

Số: 389 HD-SYT

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 3 năm 2013

HƯỚNG DẪN
PHÂN CẤP NHIỆM VỤ QUẢN LÝ VÀ THAM GIA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/ND-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ Y tế quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BYT ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ Y tế quy định về điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 09 tháng 11 năm 2012 của Bộ Y tế Hướng dẫn việc công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 26/2012/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Y tế quy định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ thông tư số 30/2012/TT-BYT ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Y tế quy định về điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố;

Căn cứ Quyết định số 01/2006/QĐ-BYT ngày 09 tháng 01 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành "Quy định chế độ báo cáo và mẫu báo cáo về vệ sinh an toàn thực phẩm";

Căn cứ Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành "Quy chế điều tra ngộ độc thực phẩm";

Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế thống nhất trong việc phân cấp nhiệm vụ quản lý và tham gia quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh cho các đơn vị có liên quan:

1. Sở Y tế.
2. Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm.
3. Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh.
4. Trung tâm kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm.
5. Trung tâm Y tế tuyến huyện, thị xã, thành phố.
6. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố/Phòng Y tế.
7. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn/Trạm Y tế.

II. PHÂN CẤP NHÓM ĐỐI TƯỢNG QUẢN LÝ:

1. Cấp tỉnh:

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành y tế trên địa bàn.

- Cơ sở nhỏ lẻ sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm.

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do trung ương và tỉnh cấp giấy phép kinh doanh; hoặc các nhà hàng, bếp ăn tập thể, cơ sở chế biến suất ăn sẵn, căng-tin kinh doanh ăn uống, các trường bán trú, mầm non có quy mô từ 200 người ăn trở lên; các dịch vụ ăn uống trong khu công nghiệp, khu nghỉ dưỡng, siêu thị, bệnh viện; các khách sạn 1 sao trở lên và trong các trường học từ phổ thông trung học trở lên.

- Các bữa tiệc, cỗ, liên hoan có trên 1000 người ăn.

- Các lễ hội, các bữa ăn đông người có tính chất đặc biệt, đặc thù (như các bữa ăn của các Đoàn Ngoại giao, các vị lãnh đạo...)

2. Cấp huyện, thị xã, thành phố:

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do UBND huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện) cấp giấy phép kinh doanh; hoặc cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không thuộc tỉnh cấp Giấy chứng nhận; các trường bán trú, mầm non có quy mô dưới 200 người ăn, các trường phổ thông cơ sở, trường tiểu học, mầm non, không thuộc diện quản lý của cấp trên; các lễ hội, hội nghị do cấp huyện tổ chức quản lý.

- Các bữa tiệc cô, liên hoan có từ 500 đến 1000 người ăn.

3. Cấp xã, phường, thị trấn:

- Cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố: các lễ hội, hội nghị do cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) tổ chức và quản lý.

- Các bữa tiệc cô, liên hoan dưới 500 người ăn.

III. PHÂN CẤP NHIỆM VỤ QUẢN LÝ:

I. Nhiệm vụ xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn thực phẩm tại địa phương:

I.1. Sở Y tế:

- Là cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước lĩnh vực an toàn thực phẩm trên địa bàn.

- Căn cứ vào kế hoạch, sự chỉ đạo của Trung ương và tình hình tại địa phương, tham mưu, đề xuất, kiến nghị với UBND tỉnh chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn.

I.2. Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm:

- Tham mưu cho Sở Y tế:

• Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) trên địa bàn;

• Ban hành kế hoạch hàng năm, chương trình, đề án, dự án về VSATTP trên địa bàn tỉnh;

• Cấp, đình chỉ và thu hồi các giấy chứng nhận liên quan đến VSATTP theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Y tế.

- Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các chương trình mục tiêu, chương trình hành động, đề án, dự án đã được phê duyệt về VSATTP.

- Thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ về VSATTP, thực hiện thanh tra chuyên ngành về VSATTP trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

I.3. Trung tâm kiểm nghiệm Thuốc – Mỹ phẩm – Thực phẩm và Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh:

Là cơ quan tham mưu cho Sở Y tế về mặt chuyên môn kỹ thuật trong công tác kiểm định chất lượng thực phẩm, thực hiện công tác kiểm nghiệm chất lượng an toàn thực phẩm trên địa bàn toàn tỉnh. Kiểm tra mẫu trong các trường hợp ngộ độc thực phẩm.

1.4. Phòng Y tế huyện, thị xã, thành phố:

Là cơ quan tham mưu cho UBND huyện thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực an toàn thực phẩm trên địa bàn, có nhiệm vụ:

- Căn cứ vào kế hoạch, sự chỉ đạo của cấp trên và tình hình địa phương, chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan, giúp UBND huyện xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn thực phẩm, tổ chức phân công, triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hằng năm. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về VSATTP, các quy định và tiêu chuẩn về VSATTP thuộc tuyến huyện quản lý.

- Hằng năm, theo kế hoạch của cấp trên, giúp UBND huyện tổ chức phát động chiến dịch tuyên truyền phòng ngừa ngộ độc thực phẩm, tổ chức thanh tra liên ngành, chủ trì tổng kết, đánh giá và báo cáo kết quả lên Sở Y tế.

1.5. Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố:

Là cơ quan chuyên môn kỹ thuật, tham mưu cho UBND huyện trong lĩnh vực quản lý VSATTP tại địa phương, có nhiệm vụ:

- Hằng năm, theo kế hoạch của cấp trên, tổ chức Tháng hành động vì chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm (CLVSATTP).

- Phối hợp thực hiện các hoạt động liên ngành về VSATTP, triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu Y tế quốc gia, các dự án liên quan đến chất lượng VSATTP trên địa bàn huyện.

1.6. Trạm Y tế xã, phường, thị trấn:

Là cơ quan chuyên môn kỹ thuật giúp UBND xã và Phòng Y tế huyện quản lý nhà nước về VSATTP trên địa bàn, có nhiệm vụ:

- Căn cứ vào kế hoạch, sự chỉ đạo của cấp trên và tình hình tại địa phương, chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan, giúp UBND xã xây dựng kế hoạch đảm bảo VSATTP tại địa bàn, tổ chức Tháng hành động vì CLVSATTP trên toàn xã. Triển khai giám sát, tổng kết, đánh giá và báo cáo kết quả lên Phòng Y tế và Trung tâm Y tế huyện.

2. Nhiệm vụ đào tạo, tập huấn và xã hội hóa công tác VSATTP:

2.1. Sở Y tế:

Chỉ đạo tổ chức, kiểm tra, giám sát công tác đào tạo, tập huấn và xã hội hóa công tác VSATTP tại các đơn vị trực thuộc.

2.2. Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm:

- Tổ chức công tác tuyên truyền, giáo dục, tập huấn về VSATTP, cấp Giấy chứng nhận đã được tập huấn kiến thức về VSATTP cho các nhóm đối tượng trên địa bàn toàn tỉnh. Tổ chức đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách VSATTP tuyến dưới.

- Phối hợp với các ban ngành có liên quan trên địa bàn tổ chức tuyên truyền giáo dục về chất lượng VSATTP trên các phương tiện truyền thông đại chúng và trong cộng đồng.

- Hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra thực hiện các quy định hiện hành về chất lượng VSATTP, xây dựng các mô hình điểm về bảo đảm chất lượng VSATTP với phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, nông thôn mới. Chỉ đạo, hướng dẫn tuyến dưới về công tác quản lý ATVSTP, thực hiện chế độ thống kê, báo cáo theo quy định.

2.3. Phòng Y tế huyện, thị xã, thành phố:

Căn cứ vào chỉ đạo của tuyến trên và điều kiện thực tế của địa phương, tham mưu với UBND huyện, chủ trì xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các cơ quan có liên quan thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật, các kiến thức về chất lượng VSATTP cho các nhóm đối tượng thuộc phân cấp quản lý.

2.4. Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố:

- Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về VSATTP và phổ biến kiến thức về ATVSTP cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân được phân cấp quản lý.

- Thực hiện tuyên truyền giáo dục, tập huấn kiến thức và cấp Giấy xác nhận tập huấn kiến thức VSATTP cho các đối tượng được phân cấp quản lý trên địa bàn.

- Phối hợp với Phòng văn hóa thông tin, phòng giáo dục, tổ chức tuyên truyền, giáo dục về VSATTP trên các phương tiện truyền thông đại chúng, đặc biệt trên hệ thống phát thanh, truyền hình và trong hệ thống trường trung học phổ thông, trung học cơ sở.

2.5. Trạm Y tế xã, phường, thị trấn:

- Tổ chức tuyên truyền, tập huấn, vận động về công tác VSATTP tại cộng đồng, đặc biệt là thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về VSATTP trên hệ thống phát thanh của xã, trong các trường tiểu học và mầm non.

- Chỉ đạo, hướng dẫn y tế thôn bản về công tác đảm bảo VSATTP, xây dựng các mô hình truyền thông cộng đồng thay đổi phong tục tập quán lạc hậu, phòng ngừa ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm gắn kết với phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hóa, nông thôn mới.

3. Nhiệm vụ quản lý, thủ tục cấp và thu hồi “Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm”

3.1. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận:

Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận được đóng thành 01 quyển, gồm các giấy tờ sau:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo Mẫu 1).
2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm (ban sao có xác nhận của cơ sở).
3. Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bao đảm điều kiện an toàn thực phẩm (có xác nhận của cơ sở), bao gồm:
 - a) Bản vẽ sơ đồ thiết kế mặt bằng của cơ sở và khu vực xung quanh;
 - b) Sơ đồ quy trình sản xuất thực phẩm hoặc quy trình bao quan, phân phối sản phẩm và bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ của cơ sở.
4. Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm:
 - a) Đối với cơ sở dưới 30 người: Nộp bản sao giấy xác nhận (có xác nhận của cơ sở);
 - b) Đối với cơ sở từ 30 người trở lên: Nộp danh sách đã được tập huấn (có xác nhận của cơ sở).
5. Giấy xác nhận đủ sức khỏe chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm: phiếu báo kết quả cấy phân âm tính mầm bệnh gây bệnh đường ruột (ta, lỵ trực khuẩn và thương hàn) của người trực tiếp sản xuất thực phẩm đối với những vùng có dịch bệnh tiêu chảy đang lưu hành theo công bố của Bộ Y tế:
 - a) Đối với cơ sở dưới 30 người: Nộp bản sao giấy xác nhận (Có xác nhận của cơ sở);
 - b) Đối với cơ sở từ 30 người trở lên: Nộp danh sách kết quả khám sức khỏe, xét nghiệm phân của chủ cơ sở và của người tham gia trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm (Có xác nhận của cơ sở).

3.2. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thẩm xét hồ sơ, thẩm định cơ sở và cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở có đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận như sau:

3.2.1. Thẩm xét hồ sơ:

a) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thẩm xét tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu hồ sơ không hợp lệ;

b) Nếu quá 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hồ sơ không hợp lệ nếu cơ sở không có phản hồi hay bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu thì cơ quan tiếp nhận sẽ hủy hồ sơ.

3.2.2. Thẩm định cơ sở:

a) Sau khi có kết quả thẩm xét hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thẩm định cơ sở trong vòng 10 ngày làm việc. Trường hợp ủy quyền thẩm định cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền cấp dưới phải có văn bản ủy quyền;

b) Đoàn thẩm định cơ sở:

- Đoàn thẩm định cơ sở do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoặc cơ quan được ủy quyền thẩm định ra quyết định thành lập;

- Đoàn thẩm định điều kiện cơ sở gồm từ 3 đến 7 người (đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ từ 3 đến 5 người) trong đó phải có ít nhất 2/3 số thành viên là cán bộ làm công tác chuyên môn về an toàn thực phẩm (có thể mời chuyên gia phù hợp chuyên môn tham gia đoàn thẩm định cơ sở).

- Trưởng đoàn thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định cơ sở;

c) Nội dung thẩm định cơ sở:

Đối chiếu thông tin và thẩm định tính pháp lý của hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận với hồ sơ gốc lưu tại cơ sở theo quy định; thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở theo quy định và ghi vào mẫu biên bản (Mẫu II).

Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở theo:

- Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ Y tế Quy định về điều kiện chung bao đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

- Thông tư số 16/2012/TT-BYT ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ Y tế Quy định về điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

- Thông tư số 30/2012/TT-BYT về việc Quy định về điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố.

3.2.3. Cấp Giấy chứng nhận:

a) Trường hợp cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận theo mẫu (Mẫu III). Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo mùa vụ phải ghi rõ thời gian hoạt động trong Giấy chứng nhận;

d) Trường hợp cơ sở chưa đủ điều kiện an toàn thực phẩm và phải chờ hoàn thiện phải ghi rõ nội dung và thời gian hoàn thiện nhưng không quá 60 ngày. Đoàn thẩm định tổ chức thẩm định lại khi cơ sở có văn bản xác nhận đã hoàn thiện đầy đủ các yêu cầu về điều kiện an toàn thực phẩm của đoàn thẩm định lần trước;

e) Trường hợp cơ sở không đạt yêu cầu về điều kiện an toàn thực phẩm, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận. Cơ sở phải nộp lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

3.3. Cấp đổi Giấy chứng nhận:

3.3.1. Cấp đổi Giấy chứng nhận trong các trường hợp sau:

- a) Giấy chứng nhận chỉ được đổi khi còn thời hạn;
- b) Khi thay đổi tên của doanh nghiệp hoặc/và đổi chủ cơ sở, thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí và toàn bộ quy trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

3.3.2. Hồ sơ xin đổi 01 bộ gồm những giấy tờ có xác nhận của cơ sở như sau:

- a) Đơn đề nghị đổi Giấy chứng nhận: (Theo Mẫu IV ở phần phụ lục);
- b) Biên bản thẩm định gần nhất (Ban sao có có xác nhận của cơ sở);
- c) Giấy chứng nhận (Ban gốc);
- d) Văn bản hợp pháp thể hiện sự thay đổi trên (Ban sao công chứng);
- d) Giấy xác nhận đủ sức khỏe, tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở mới đối với trường hợp thay đổi tên chủ cơ sở (Ban sao có xác nhận của cơ sở).

3.3.3. Thời gian cấp đổi:

Trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ xin cấp đổi Giấy chứng nhận, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm cấp đổi Giấy chứng nhận cho cơ sở; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở lý do không cấp đổi Giấy chứng nhận.

3.4. Thu hồi Giấy chứng nhận

3.4.1. Những trường hợp sau bị thu hồi:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không hoạt động ngành nghề kinh doanh thực phẩm đã đăng ký;

b) Có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển đổi ngành nghề kinh doanh tại cơ sở cũ;

c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm bị tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.

3.4.2. Thẩm quyền thu hồi:

a) Cơ quan cấp Giấy chứng nhận có quyền thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp trên có quyền thu hồi Giấy chứng nhận do cơ quan cấp dưới cấp.

3.5. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận:

3.5.1. Sở Y tế/Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm:

Cấp Giấy chứng nhận cho các nhóm đối tượng theo phân cấp quản lý, cụ thể:

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành y tế trên địa bàn.

- Cơ sở nhỏ lẻ sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm.

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do trung ương và tỉnh cấp giấy phép kinh doanh; hoặc các nhà hàng, bếp ăn tập thể, cơ sở chế biến suất ăn sẵn, căng-tin kinh doanh ăn uống, các trường bán trú, mầm non có quy mô từ 200 người ăn trở lên; các dịch vụ ăn uống trong khu công nghiệp, khu nghỉ dưỡng, siêu thị, bệnh viện; các khách sạn 1 sao trở lên và trong các trường học từ phổ thông trung học trở lên.

3.5.2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố:

Ủy ban nhân dân huyện cấp hoặc ủy quyền cho Trung tâm Y tế huyện cấp Giấy chứng nhận cho các nhóm đối tượng được phân cấp quản lý, cụ thể:

Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do huyện cấp giấy phép kinh doanh; hoặc cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không thuộc tỉnh cấp Giấy chứng nhận; các trường bán trú, mầm non có quy mô dưới 200 người ăn, các trường tiểu học, mầm non, trường phổ thông cơ sở không thuộc diện quản lý của cấp trên.

3.5.3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

Cấp giấy chứng nhận cho cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố có địa điểm kinh doanh cố định.

4. Nhiệm vụ quản lý, thủ tục cấp Giấy tiếp nhận ban công bố hợp quy, Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm

4.1. Cấp mới Giấy tiếp nhận hoặc Giấy xác nhận:

4.1.1. Thẩm quyền cấp Giấy tiếp nhận hoặc Giấy xác nhận:

Sở Y tế/ Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm cấp Giấy tiếp nhận, Giấy xác nhận đối với: sản phẩm sản xuất trong nước là thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn (trừ thực phẩm chức năng), vật liệu bao gói, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm đó đóng trên địa bàn.

4.1.2. Trình tự, hồ sơ công bố hợp quy, công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm:

Theo quy định tại Điều 4 và Điều 5, Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 09 tháng 11 năm 2012 của Bộ Y tế Hướng dẫn việc công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

4.2. Cấp lại Giấy tiếp nhận và Giấy xác nhận:

Việc cấp lại Giấy tiếp nhận và Giấy xác nhận được thực hiện tại Sở Y tế/Chi cục ATVSTP đã cấp Giấy tiếp nhận hoặc Giấy xác nhận lần đầu tiên cho sản phẩm đó và theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm (gọi chung là Nghị định số 38/2012/NĐ-CP):

- Trường hợp không có sự thay đổi về quy trình sản xuất, chế biến thực phẩm làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu chất lượng và vi phạm các mức giới hạn an toàn thực phẩm so với công bố, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải định kỳ thực hiện đăng ký lại ban công bố hợp quy hoặc công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm:

a) 05 năm đối với sản phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh có một trong các chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến: HACCP, ISO 22000 hoặc tương đương;

b) 03 năm đối với sản phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh không có các chứng chỉ trên.

- Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy tiếp nhận hoặc Giấy xác nhận định an toàn thực phẩm thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 8 của Nghị định số 38/2012/NĐ-CP.

4.3. Quy định phân cấp kiểm tra sau công bố:

4.3.1. Kiểm tra định kỳ:

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm nơi có cơ sở sản xuất, kinh doanh đóng trên địa bàn có thẩm quyền tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, chế độ kiểm nghiệm định kỳ đối với sản phẩm đã công bố.

4.3.2. Kiểm tra, thanh tra đột xuất:

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, thanh tra đột xuất các cơ sở khi có khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn khiếu nại, tố cáo về việc vi phạm các quy định về chất lượng VSATTP theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

5. Nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm:

Để tránh sự chồng chéo trong công tác thanh kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được phép thanh kiểm tra các cơ sở theo phân cấp quản lý. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trên có quyền kiểm tra và thanh tra các cơ sở đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp dưới cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP.

5.1. Sở Y tế:

Thanh tra Sở Y tế chịu trách nhiệm thanh tra liên ngành, phối hợp tổ chức thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về VSATTP của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm; giải quyết khiếu nại tố cáo, xử lý và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

5.2. Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm:

- Chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về VSATTP đối với các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống theo phân cấp quản lý;

- Thực hiện hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về an toàn thực phẩm. Kiểm tra sau công bố hợp quy, công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm đối với tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn toàn tỉnh.

5.3. Trung tâm kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm và Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh:

Thực hiện công tác kiểm nghiệm chất lượng VSATTP theo phân tuyến kỹ thuật.

5.4. Phòng Y tế huyện, thị xã, thành phố:

- Tham mưu cho UBND huyện thành lập các đoàn thanh kiểm tra liên ngành về VSATTP, chủ trì lập kế hoạch và triển khai thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm theo phân cấp quản lý.

- Đề xuất với UBND huyện, thành tra Sở Y tế ra quyết định xử lý hành vi vi phạm pháp luật về VSATTP theo quy định, theo dõi việc thực hiện các Quyết định xử phạt.

5.5. Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố:

Thực hiện kiểm tra, phối hợp kiểm tra chuyên ngành về VSATTP đối với các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh thực phẩm theo phân cấp quản lý. Thực hiện xét nghiệm nhanh về VSATTP. Chủ trì tổ chức khám sức khỏe, cấy phân tìm vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hóa cho người trực tiếp sản xuất, chế biến thực phẩm. Lấy mẫu thực phẩm đúng quy trình gửi lên tuyến trên xét nghiệm khi cần thiết.

5.6. Trạm Y tế xã, phường, thị trấn:

- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức đoàn thể theo sự lãnh đạo của UBND xã, tổ chức kiểm tra việc đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm của cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố theo phân cấp quản lý.

- Thực hiện các xét nghiệm nhanh về VSATTP. Lấy mẫu xét nghiệm gửi lên tuyến trên khi cần thiết.

6. Nhiệm vụ xử lý ngộ độc thực phẩm và các bệnh lây truyền qua thực phẩm:

6.1. Sở Y tế:

- Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan trực thuộc Sở Y tế triển khai công tác phòng ngừa, khắc phục ngộ độc thực phẩm (NDTP) và các bệnh truyền qua thực phẩm, đặc biệt các bệnh có thể gây dịch theo hướng dẫn của cấp trên.

- Ban hành các văn bản chỉ đạo tuyến dưới thực hiện công tác phòng ngừa, khắc phục NDTP và các bệnh truyền qua thực phẩm. Thực hiện các báo cáo nhanh và báo cáo tổng hợp tình hình NDTP về Bộ Y tế (Cục an toàn vệ sinh thực phẩm) theo quy định.

6.2. Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức giám sát và đánh giá nguy cơ ô nhiễm thực phẩm, thực hiện điều tra nguyên nhân, thống kê và phòng chống NDTP trên địa bàn.

- Triển khai công tác phòng ngừa, khắc phục NDTP và các bệnh truyền qua thực phẩm trên địa bàn tỉnh:

6.3. Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm:

Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức điều tra nguyên nhân và đánh giá nguy cơ ô nhiễm thực phẩm trên địa bàn.

6.4. Phòng Y tế huyện, thị xã, thành phố:

Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai công tác phòng ngừa, khắc phục NDTP và các bệnh truyền qua thực phẩm theo đường dẫn của cấp trên; hướng dẫn, đôn đốc, giám sát các trạm y tế xã thực hiện.

6.5. Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố:

- Giám sát nguy cơ ô nhiễm thực phẩm, điều tra nguyên nhân, triển khai các biện pháp phòng ngừa và xử lý các trường hợp NDTP và các bệnh truyền qua thực phẩm tại cơ sở.

- Chỉ đạo việc tổ chức cấp cứu, điều trị, điều tra, xử lý NDTP trên địa bàn. Báo cáo nhanh và báo cáo tổng hợp tình hình về VSATTP và NDTP trên địa bàn về Sở Y tế (Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm) theo quy định.

6.6. Trạm Y tế xã, phường, thị trấn:

Giám sát, phát hiện kịp thời và báo cáo lên tuyến trên tình trạng ô nhiễm thực phẩm, các trường hợp NDTP và bệnh truyền qua thực phẩm, giúp tuyến trên điều tra nguyên nhân NDTP.

7. Nhiệm vụ giám sát các bữa ăn đông người để phòng ngừa ngộ độc thực phẩm:

7.1. Nhiệm vụ:

7.1.1. Trạm y tế xã, phường, thị trấn:

- Tham mưu cho UBND xã huy động các ban ngành đoàn thể, các thôn trưởng, tổ trưởng dân phố, y tế thôn bản, y tế tổ dân phố thường xuyên, kịp thời nắm được các bữa tiệc tổ chức trong địa phương có nhiều người tham dự để có kế hoạch triển khai các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm phòng tránh NDTP. Đồng thời Trạm y tế xã có trách nhiệm thống kê báo cáo (hàng tháng, quý, năm) cho Trung tâm y tế huyện.

- Thống kê, quản lý các cơ sở chuyên nấu thuê phục vụ cho các bữa tiệc, liên hoan; có kế hoạch tổ chức tập huấn kiến thức VSATTP, kiểm tra sức khỏe hằng năm cho các đối tượng này.

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục nhân dân về vệ sinh ăn uống, vệ sinh chế biến thực phẩm, cách phòng chống NDTP và các bệnh truyền qua thực phẩm.

- Có trách nhiệm kiểm tra giám sát theo quy trình hướng dẫn từ khâu đầu đến khâu cuối ở các bữa tiệc cỗ, liên hoan dưới 500 người ăn. Nếu bữa ăn có số lượng trên 500 người phải báo cáo Trung tâm y tế huyện để phối hợp giám sát.

7.1.2. Trung tâm y tế, Đội y tế dự phòng các huyện, thị xã, thành phố.

Có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với các Trạm y tế xã trên địa bàn kiểm tra giám sát theo quy trình hướng dẫn từ khâu đầu đến khâu cuối ở các bữa tiệc cỗ, liên hoan có từ 500 đến 1.000 người ăn. Nếu bữa ăn có số lượng người trên 1.000 phải báo cáo Chi Cục ATVSTP để phối hợp giám sát.

7.1.3. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm

- Cùng phối hợp với Đội y tế dự phòng các huyện; các Trạm y tế xã kiểm tra giám sát ở các bữa tiệc, cỗ, liên hoan có trên 1.000 người ăn để báo cáo Sở y tế.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan để kiểm tra giám sát ở các lễ hội, các bữa ăn đông người có tính chất đặc biệt, đặc thù (như các bữa ăn của các Đoàn Ngoại giao, các vị lãnh đạo...)

7.2. Quy trình kiểm tra, giám sát các bữa ăn đông người:

7.2.1. Trước khi diễn ra các bữa tiệc, liên hoan:

a. Vệ sinh khu vực chế biến, vệ sinh môi trường:

- Khu chế biến, nấu nướng dù tạm thời cũng nên bố trí một khu riêng, có khu vực giết mổ gia súc, gia cầm, khu vực chế biến thịt tươi sống, khu vực nấu, khu vực phân chia thức ăn chín riêng biệt.

- Cần có đủ nước sạch để sử dụng cho nấu nướng, rửa thực phẩm, dụng cụ, bát đũa. Chú ý ở những nơi dùng nước giếng để sinh hoạt hằng ngày thì phải xử lý nước bằng Cloramin B trước khi sử dụng.

- Phun thuốc diệt ruồi ở khu vực chế biến và khu vực phục vụ ăn uống.

- Bố trí khu vệ sinh riêng biệt, ở cuối hướng gió và dòng chảy, xa nơi chế biến thực phẩm.

- Thu gom chất thải, tránh để phát triển ruồi, muỗi, côn trùng, chuột... chú ý nước thải và các rác thải không được để ứ đọng, sử dụng thùng rác, thùng đựng thức ăn thừa có nắp đậy.

b. Vệ sinh đối với nhân viên chế biến, phục vụ:

- Đối với các tiệc, cỗ, liên hoan: người nấu nướng, chế biến, phục vụ cần chọn

lọc một số lượng vừa đủ, có trình độ hiểu biết về các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm: vệ sinh cá nhân sạch sẽ, gọn gàng. Những người đang có bệnh truyền nhiễm, bệnh ngoài da không được tham gia chế biến thực phẩm.

- Đối với các lễ hội: các cơ sở dịch vụ ăn uống phải được tập huấn, hướng dẫn, đăng ký và cam kết với ban quản lý, tổ chức lễ hội, y tế về việc đảm bảo tiêu chuẩn VSATTP.

c. Vệ sinh dụng cụ chế biến:

- Bát đĩa, ly, chén...đũa muỗng hay thuê đều phải rửa lại thật sạch, phơi, lau khô, để chỗ cao ráo tránh bụi bẩn trước khi đem sử dụng.

- Có dụng cụ cho chế biến thực phẩm sống và chín riêng biệt.

d. Nguồn thực phẩm: phải rõ ràng, đảm bảo an toàn thực phẩm

- Nên đặt trước để đảm bảo an toàn, có địa chỉ người bán, tốt nhất là có hợp đồng mua bán thực phẩm.

- Thực phẩm tươi sống: rau, thịt, cá tươi...nên đăng ký trước để có nguồn rau sạch và thịt cá an toàn, rau sống cần rửa bằng nước sạch nhiều lần. Tránh mua hàng rẻ mà kém chất lượng.

- Thực phẩm chế biến sẵn: giò, chả, nem...đặt trước ở một cơ sở bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, chỉ nên dùng loại mới sản xuất.

- Các loại gia vị, thức ăn khô: tương ớt, đậu các loại...cần có nguồn tin cậy hoặc chế biến từ nguyên liệu tốt.

- Rượu, nước giải khát: cần mua các cơ sở bảo đảm chất lượng, không mua loại quá hạn dùng, không có địa chỉ sản xuất nếu rượu nấu cần có kỹ thuật tốt, tránh thêm các phụ gia độc hại.

- Nước đá: cần mua các cơ sở sản xuất đã được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và giấy tiếp nhận ban công bố hợp quy.

7.2.2. Trong khi chế biến và phục vụ ăn uống của các bữa tiệc, liên hoan:

- Những người chế biến, phục vụ phải có trang phục riêng (áo, mũ, khăn trang), phải rửa tay sạch trước khi tiếp xúc với thực phẩm, không dùng tay trực tiếp cầm, nắm bốc thức ăn chín, thức ăn chế biến sẵn.

- Phải có dụng cụ riêng để gấp, múc thức ăn, dùng cho thực phẩm sống và chín.

- Thức ăn phải có phương tiện bao quan, che dầy tránh ruồi, muỗi, chuột, bọ, mưa, nắng, bụi bặm...không để, soạn thực phẩm trên mặt đất mà phải cách mặt đất từ

60cm trở lên.

- Khi chế biến nấu nướng xong nên tổ chức ăn ngay trong vòng 2 giờ sau khi nấu.

Nếu để quá 2 giờ phải đun nấu kỹ lại trước khi ăn.

- Không dùng thức ăn có dấu hiệu ôi thiu hoặc đã bị đổ rơi xuống đất hoặc ngâm nước bẩn.

** Lưu mẫu thực phẩm:*

Cán bộ y tế kiểm tra giám sát có trách nhiệm hướng dẫn người nấu ăn lấy mẫu tất cả các loại thức ăn để lưu lại trước khi bắt đầu dọn ăn 15 phút (Đối với thức ăn rắn lấy 100gr, chất lỏng 250ml, cho vào dụng cụ riêng biệt lưu trong 24 giờ ở nhiệt độ từ 4-8°C).

** Lập Biên bản làm việc:*

Trong quá trình kiểm tra, giám sát các bữa ăn đông người, yêu cầu cán bộ y tế phải lập biên bản làm việc, ghi rõ những hướng dẫn của cán bộ y tế, những việc cần thực hiện của Ban tổ chức các bữa ăn đông người, những thỏa thuận giữa 2 bên...

Biên bản cần phải được lập thành 2 - 3 bản, có ký xác nhận sự đồng ý của các bên liên quan.

7.2.3. Giám sát sau lễ, hội:

Cán bộ y tế xã trên địa bàn có tổ chức các bữa ăn đông người phải có trách nhiệm giám sát tình hình ít nhất 24 giờ sau khi các bữa tiệc, cỗ, liên hoan kết thúc nhằm phát hiện sớm và xử lý kịp thời nếu có NDTP xảy ra.

8. Nhiệm vụ thống kê, báo cáo vệ sinh an toàn thực phẩm:

Tất cả các đơn vị y tế thực hiện báo cáo về VSATTP theo quyết định số 01/2006/QĐ-BYT ngày 09/01/2006 về việc Ban hành qui định chế độ báo cáo và mẫu báo cáo về vệ sinh an toàn thực phẩm, cụ thể:

8.1. Chế độ báo cáo ngộ độc thực phẩm

8.1.1. Khai báo ngộ độc thực phẩm

- Khi bị NDTP hoặc phát hiện NDTP, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khai báo ngay cho cơ sở Y tế (Trạm Y tế xã, phường, thị trấn; Phòng Y tế hoặc Trung tâm Y tế dự phòng huyện, thị xã, thành phố);

- Sở Y tế, Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm hoặc Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh các Viện (Dinh dưỡng, Pasteur Nha Trang, Vệ sinh Y tế công cộng TP Hồ Chí Minh, Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên), Cục An toàn vệ sinh thực phẩm hoặc Ủy ban

nhân dân địa phương nơi gần nhất để có biện pháp phòng ngừa, khắc phục kịp thời. Nội dung khai báo theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo hướng dẫn này.

8.1.2. Báo cáo khẩn

Bất kỳ vụ NDTP nào (có ít nhất 2 người mắc), các cơ quan Y tế nơi xảy ra ngộ độc thực phẩm phải báo cáo khẩn (chậm nhất 24 giờ kể từ khi phát hiện) cho cơ quan Y tế cấp trên trực tiếp. Báo cáo theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo hướng dẫn này.

8.1.3. Báo cáo khẩn cấp

Đối với vụ NDTP hàng loạt (từ 50 người mắc trở lên) hoặc vụ NDTP có 1 người tử vong, các cơ quan Y tế nơi xảy ra ngộ độc thực phẩm đều phải báo cáo khẩn cấp (báo cáo ngay bằng phương thức nhanh nhất) cho cơ quan Y tế cấp trên trực tiếp và báo cáo vượt cấp về Cục An toàn vệ sinh thực phẩm theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo hướng dẫn này.

8.1.4. Báo cáo trong quá trình xảy ra ngộ độc

Trong quá trình xảy ra NDTP, các cơ quan Y tế nơi xảy ra NDTP phải duy trì báo cáo hàng ngày theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo hướng dẫn này.

8.1.5. Báo cáo kết thúc vụ ngộ độc

Khi vụ NDTP đã kết thúc, các cơ quan Y tế nơi xảy ra ngộ độc thực phẩm phải báo cáo với cơ quan Y tế cấp trên trực tiếp khi có ít nhất 2 người mắc và báo cáo vượt cấp về Cục An toàn vệ sinh thực phẩm khi có từ 50 người mắc trở lên hoặc có ít nhất 1 người chết theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo hướng dẫn này.

8.1.6. Báo cáo thống kê về ngộ độc thực phẩm

Trạm Y tế xã, Phòng Y tế huyện và Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh phải lập sổ thống kê NDTP theo Mẫu số 3 ban hành kèm theo hướng dẫn này.

8.1.7. Báo cáo định kỳ ngộ độc thực phẩm

Trạm Y tế xã, Phòng Y tế huyện và Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm định kỳ 6 tháng (chốt sổ vào ngày 30/6 hằng năm) và 1 năm (chốt sổ vào ngày 31/12 hằng năm), phải báo cáo định kỳ NDTP lên cơ quan quản lý Y tế cấp trên trực tiếp theo Mẫu số 4 ban hành kèm theo hướng dẫn này.

1. Trạm Y tế xã gửi báo cáo lên tuyến trên từ ngày 01 - 05 tháng 7 hằng năm (đối với báo cáo 6 tháng) và từ ngày 1 - 5 tháng 1 của năm sau (đối với báo cáo 1 năm).

2. Phòng Y tế huyện gửi báo cáo lên tuyến trên từ ngày 05 - 10 tháng 7 hằng năm (đối với báo cáo 6 tháng) và từ ngày 5 - 10 tháng 01 của năm sau (đối với báo cáo 1 năm).

3. Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm báo cáo lên tuyến trên từ ngày 10 - 15 tháng 7 hằng năm (đối với báo cáo 6 tháng) và từ ngày 10 - 15 tháng 1 của năm sau (đối với báo cáo 1 năm).

8.2. Báo cáo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm

8.2.1. Báo cáo Tháng hành động vì chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm:

Sau khi kết thúc Tháng hành động vì CLVSATTP trong vòng 5 ngày, các cơ quan Y tế phải gửi báo cáo lên cơ quan Y tế cấp trên trực tiếp kết quả triển khai thực hiện Tháng hành động vì CLVSATTP theo Mẫu số 5 ban hành kèm theo hướng dẫn này.

8.2.2. Báo cáo định kỳ công tác vệ sinh an toàn thực phẩm

Trạm Y tế xã, Phòng Y tế huyện và Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm định kỳ 6 tháng (chốt số vào ngày 30/6 hằng năm) và 1 năm (chốt số vào ngày 31/12 hằng năm) phải gửi báo cáo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm lên cơ quan Y tế cấp trên trực tiếp.

1. Trạm Y tế xã gửi báo cáo lên tuyến trên từ ngày 01 - 05 tháng 7 hằng năm (đối với báo cáo 6 tháng) và từ ngày 01 - 05 tháng 1 năm sau (đối với báo cáo 1 năm) theo Mẫu số 6 ban hành kèm theo hướng dẫn này.

2. Phòng Y tế huyện báo cáo lên tuyến trên từ ngày 05 - 10 tháng 7 hằng năm (đối với báo cáo 6 tháng) và từ ngày 05 - 10 tháng 1 của năm sau (đối với báo cáo 1 năm) theo Mẫu số 7 ban hành kèm theo hướng dẫn này.

3. Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm báo cáo lên tuyến trên từ ngày 10 - 15 tháng 7 hằng năm (đối với báo cáo 6 tháng) và từ ngày 10 - 15 tháng 1 của năm sau (đối với báo cáo 1 năm) theo Mẫu số 8 ban hành kèm theo hướng dẫn này.

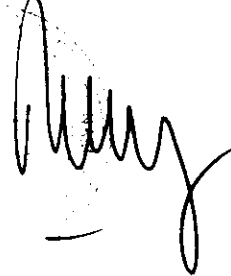
Hướng dẫn này thay thế cho hướng dẫn số 3760/SYT-NVY ngày 19/10/2007 của Giám đốc Sở Y tế Thừa Thiên Huế đã ban hành.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (Báo cáo);
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- Chi cục ATVSTP;
- TTYT Dự phòng tỉnh;
- TT Kiểm nghiệm Thuốc-MP-TP;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng Y tế huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NVY.



GIÁM ĐỐC



Nguyễn Dung